TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2019
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Lợi

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2019 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đậu Thị Trà M; nơi ĐKHKTT: Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Từ Hữu T; địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đậu Thị Trà M trình bày: Chị và anh Từ Hữu T tìm hiểu và đi đến hôn

nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07/3/2013. Cuộc sống chung vợ chồng sau khi kết hôn thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm, xúc phạm và thiếu tôn trọng nhau khiến cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau. Vợ chồng không tìm được hướng đi chung để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nên hai bên đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh T nữa, nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Chị M khai nhận, quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Từ Quỳnh N, sinh ngày 15/8/2013. Hiện nay con đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng mong muốn được nuôi con và yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 02/7/2019, anh Từ Hữu T trình bày: Anh và chị Đậu Thị Trà M tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07/3/2013. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thiếu tôn trọng nhau khiến cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau. Vợ chồng không tìm được hướng đi chung nên đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Hiện tại chị M xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh T khai nhận, quá trình chung sống vợ chồng có một con chung, cháu Từ Quỳnh N, sinh ngày 15/8/2013. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo anh T thì vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Từ Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đậu Thị Trà M, xét xử vụ án vắng mặt anh Từ Hữu T, xử cho chị M được ly hôn anh Từ Hữu T. Giao con chung Từ Quỳnh N, sinh ngày 15/8/2013 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị M mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng. Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2019 trở đi, cho đến khi con thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản tự nuôi sống bản thân. Buộc chị Đậu Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn; buộc anh Từ Hữu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Đậu Thị Trà M khởi kiện xin ly hôn đối với anh Từ Hữu T và quyền yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Từ Hữu T đã có đơn trình bày ý kiến, quan điểm và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh Từ Hữu T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đậu Thị Trà M và anh Từ Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07/3/2013, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm, xúc phạm và thiếu tôn trọng nhau nên thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau. Hai bên xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục sống chung cùng nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc được nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đậu Thị Trà M. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét xử cho chị M được ly hôn anh Từ Hữu T.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa chị Đậu Thị Trà M và anh Từ Hữu T có một con chung Từ Quỳnh N, sinh ngày 15/8/2013. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị M có nguyện vọng mong muốn được nuôi con chung và anh T cũng thống nhất giao con chung cho chị M nuôi dưỡng. Xét điều kiện, nguyện vọng mong muốn được nuôi con của chị M và yêu cầu, đề nghị của chị M, anh T về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng như vậy là phù hợp. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Từ Quỳnh N, sinh ngày 15/8/2013 cho chị Đậu Thị Trà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh Từ Hữu T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ tháng 9/2019 trở đi cho đến khi con thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản tự nuôi sống bản thân.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Đậu Thị Trà M và anh Từ Hữu T thống nhất thừa nhận, vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Đậu Thị Trà M phải chịu 300.000

đồng tiền án phí ly hôn, anh Từ Hữu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đậu Thị Trà M

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đậu Thị Trà M được ly hôn anh Từ Hữu T.

2. Về quan hệ con chung:

2.1: Giao con chung Từ Quỳnh N, sinh ngày 15/8/2013 cho chị Đậu Thị Trà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2: Anh Từ Hữu T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị M mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 9/2019 trở đi, cho đến khi con thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1: Buộc chị Đậu Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung công quỹ nhà nước. Số tiền án phí chị M phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0001295, ngày 30/5/2019. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

4.2: Buộc anh Từ Hữu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung công quỹ nhà nước.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực